

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-PT
Ngày 24 - 6 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông Nguyễn Hồng Chương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà:
Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 16-01-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2020/QĐ-PT ngày 16-6-2020, của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Tống Đình H và bà Nguyễn Thị A; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang T; địa chỉ: Tổ dân phố W, phường N1, thành phố G, tỉnh Đăk Nông (Văn bản ủy quyền ngày 29-11-2017) - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị H; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H: Ông Đặng Văn L (Văn bản ủy quyền ngày 22-11-2017) - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Trung L1 và chị Võ Thị H1; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thành phố G, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị H1: Anh Nguyễn Trung L1 (Văn bản ủy quyền ngày 02-01-2018) - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Đặng Văn L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện ngày 18-9-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Tống Đình H, bà Nguyễn Thị A và người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Quang T trình bày:

Ngày 20-11-2004, ông H nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn L, bà Phạm Thị H 150m² đất thuộc thửa đất 85, tờ bản đồ số 02 với giá 50.000.000 đồng; ông L và bà H đã nhận đủ tiền. Sau đó, thửa đất này ông L chuyển nhượng cho người khác nên ông L và bà H thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất khác cho ông H và bà A. Ngày 02-02-2006, ông L và bà H viết “Giấy sang nhượng đất” cho ông H và bà A 02 lô đất, cụ thể: Lô 01 chiều rộng 10m và lô 02 chiều rộng 16m thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại thôn T, xã Q, thị xã G. Ngày 16-6-2015, ông L và bà H lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông H và bà A thửa đất số 206, tờ bản đồ số 04, diện tích là 1.000m², với giá chuyển nhượng là 15.000.000 đồng và thửa đất số 143, tờ bản đồ số 04, diện tích là 500m², với giá 15.000.000 đồng, đều tọa lạc tại tổ dân phố T, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông và đã được công chứng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên khi ông H và bà A thực hiện thủ tục đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) thì ông L can thiệp không và cản trở với lý do chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền. Do đó, ông H và bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L và bà H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã lập ngày 16-6-2015.

2. Bị đơn ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị H trình bày: Ông L và bà H thừa nhận đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16-6-2015 như ông H đã trình bày. Tuy nhiên, thực tế ông L và bà H chuyển nhượng cho ông H và bà A 08m đất theo chiều rộng của mỗi thửa đất, chiều dài hết đất theo GCNQSDĐ đã cấp, còn lại 02m chiều rộng mỗi thửa đất ông L yêu cầu ông H và bà A phải trả thêm 20.000.000 đồng nhưng ông H và bà A mới trả 7.000.000 đồng và viết giấy 10.000.000 đồng, do đó ông L can thiệp không cho ông H và bà A làm thủ tục đăng ký sang tên. Ngoài ra, ngày 11-9-2007, ông Đặng Văn L viết giấy tay chuyển nhượng cho anh Nguyễn Trung L1 02m theo chiều rộng (diện tích 262m²), thuộc thửa đất số 37 (sau này tách thành thửa 206 và thửa số 143).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung L1 và chị Võ Thị H1 trình bày: Ngày 11-9-2007 anh L1 nhận chuyển nhượng của ông L 262m² đất,

thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 04, giấy CNQSDĐ số AC 325084 ngày 05-5-2005 với giá 10.000.000 đồng. Do đó, anh L1 yêu cầu ông L phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xác lập bằng giấy viết tay hoặc bồi thường giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 16-01-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông quyết định: Căn cứ khoản 3, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 134, Điều 137, Điều 697, Điều 699 và Điều 702 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106, Điều 127 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 167, Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tống Đình H và bà Nguyễn Thị A.

1. Buộc ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 16-6-2015 đối với thửa đất số 143 theo giấy CNQSDĐ số BO 750890 và thửa 206 CNQSDĐ số AD 870202, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại tổ dân phố T, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Chấp nhận một phần yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung L1 và chị Võ Thị H1. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Văn L và anh Nguyễn Trung L1 lập ngày 14-01-2008 là vô hiệu.

2. Buộc ông L và bà H trả cho anh Nguyễn Trung L1 và chị Võ Thị H1 số tiền 62.208.000 đồng, trong đó tiền hợp đồng sang nhượng là 10.000.000 đồng, tiền giá trị đất thị trường bị thiệt hại là 52.207.727 đồng. Anh Nguyễn Trung L1 và chị Võ Thị H1 phải tự di dời 16 trụ bê tông, 01 cọc sắt và trả lại 254,6m² đất đã nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị H để trả lại đất cho ông Tống Đình H và bà Nguyễn Thị A.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27-02-2020, bị đơn ông Đặng Văn L kháng cáo, nội dung: Ông L và bà H chỉ chuyển nhượng 08m chiều rộng của các thửa đất số 143 và thửa số 147 tờ bản đồ số 04, GCNQSDĐ AN 870202 và AN 870037 cấp ngày 03-3-2009 cho ông H và bà A. Mặt khác, ông H và bà A chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng đã đến phòng Công chứng lập hợp đồng. Đối với yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Trung L1 và chị Võ Thị H1 thì ông L và bà H sẽ tiếp tục thực hiện hợp đồng ngày 14-01-2008, diện tích đất 262m²; không đồng ý bản án sơ thẩm tuyên bố giao dịch này vô hiệu. Do vậy, ông L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Văn L giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 16-01-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Đặng Văn L trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn L:

[2.1]. Đối với nội dung kháng cáo: Ông L bà H chỉ chuyển nhượng 08m chiều rộng của các thửa đất số 143 và thửa số 147 tờ bản đồ số 04, GCNQSDĐ AN 870202 và AN 870037 cấp ngày 03-3-2009, đồng thời ông H và bà A chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

2.1.1. Ngày 20-11-2004, ông L và bà H viết “Giấy sang nhượng đất” chuyển nhượng cho ông H và bà A diện tích đất 150m² (05mx30m) thuộc thửa đất số 85, tờ bản đồ số 02, GCNQSDĐ số AA362450 cấp ngày 16-9-2004, tọa lạc tại phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông với số tiền 50.000.000 đồng (ông L và H đã nhận số tiền 50.000.000 đồng - bút lục số 48). Tuy nhiên, diện tích đất trên sau đó ông L và bà H chuyển nhượng cho người khác. Đến ngày 02-02-2008 ông L và bà H viết “Giấy sang nhượng đất” chuyển nhượng cho ông H và bà A lô đất thứ nhất có chiều rộng trước và sau là 10m; lô thứ hai có chiều rộng trước và sau là 16m thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 04, được cấp GCNQSDĐ năm 2005, tọa lạc tại thôn T, xã Q, thị xã G với số tiền là 50.000.000 đồng và có nội dung “*Ông Đặng Văn L đã nhận đủ số tiền như trên*” (bút lục số 43, 219).

2.1.2. Ngày 03-3-2009, UBND thị xã G đã ban hành Quyết định số: 136/QĐ-UBND “Về việc cho phép tách thửa đất và cấp GCNQSDĐ” cho phép hộ ông Đặng Văn L tách thửa đất 37, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại thôn T, xã Q, thị xã G, tỉnh Đắk Nông thành 07 thửa đất trong đó có thửa 143, diện tích 500m² và thửa 147, diện tích 6.252m² đất trồng cây lâu năm (bút lục số 213). Ngày 28-10-2013 UBND thị xã G ban hành Quyết định số: 1313/QĐ-UBND “Về việc cho phép tách thửa đất và cấp GCNQSDĐ” cho phép ông Đặng Văn L tách thửa đất 147, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại thôn T, xã Q, thị xã G thành 03 thửa đất trong đó có thửa 206, diện tích 1.000m² đất trồng cây lâu năm (bút lục số 188).

2.1.3. Tại “*Giấy cho mượn sổ đỏ tách thửa*” ngày 22-4-2011 giữa ông Đặng Văn L và ông Tống Đình H, do ông L cung cấp, có nội dung: Ông H tách 08m chiều rộng và chiều dài theo GCNQSDĐ của cả hai thửa 143 và 147, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại thôn T, xã Q, thị xã G (bút lục số 255). Ngày 25-11-2019, ông L có đơn yêu cầu giám định chữ ký của ông Tống Đình H và bà Nguyễn Thị A tại “*Giấy cho mượn sổ đỏ tách thửa*” ngày 22-4-2011 (bút lục 257). Biên bản làm việc ngày 30-12-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa: Ông Đặng Văn L không yêu cầu giám định chữ ký của ông Tống Đình H và bà Nguyễn Thị A tại “*Giấy cho mượn sổ đỏ tách thửa*” ngày 22-4-2011 (bút lục số 266a).

2.1.4. Ngày 16-6-2015 ông L và bà H lập Hợp đồng chuyển nhượng cho ông H bà A 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất thửa đất số 143, tờ bản đồ số 04, diện tích 500m² được cấp GCNQSDĐ ngày 03-3-2009 và thửa đất số 206, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.000m² được cấp CNQSDĐ ngày 28-3-2013, giá trị chuyển nhượng mỗi thửa đất là 15.000.000 đồng và đã được công chứng theo quy định của pháp luật, đồng thời có nội dung ghi nhận trong hợp đồng “*Phương thức thanh toán bằng tiền mặt, bên B thanh toán cho bên A trước công chứng hợp đồng*” (bút lục số 06 và 18).

2.1.5. Ngoài ra, “*Giấy nhận tiền*” ngày 29-5-2016 có nội dung: “*Tôi Đặng Văn L có nhận số tiền còn lại là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tôi sẽ rút đơn ngăn cấp sổ sang nhượng để tạo điều kiện cho vợ chồng ông Tống Đình H được sang nhượng thuận lợi*” (bút lục số 45).

2.1.6. Như vậy, bản án sơ thẩm buộc ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị H phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông Tống Đình H và và bà Nguyễn Thị A đã được công chứng ngày 16-6-2015, thửa đất số 143 theo giấy CNQSDĐ số BO 750890 và thửa đất 206 CNQSDĐ số AD 870202, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại thôn T, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2]. Đối với yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Trung L1 và chị Võ Thị H1 thì ông L và bà H sẽ tiếp tục thực hiện hợp đồng ngày 14-01-2008, diện tích đất 262m²; không đồng ý bản án sơ thẩm tuyên bố giao dịch này vô hiệu, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

2.2.1. “*Giấy mua bán đất*” ngày 14-01-2008 ghi nhận: Ông L đồng ý chuyển nhượng cho anh Nguyễn Trung L1 02m đất liền kề với thửa đất số 123, tờ bản đồ số 04 (thửa đất ông L đã chuyển nhượng cho anh L1), chiều dài 131m, diện tích 262m² với số tiền 10.000.000 đồng (bút lục số 21). Thực tế, diện tích đất trên ngày 02-02-2008 ông L và bà H viết “*Giấy sang nhượng đất*” cho ông H và bà A thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 04. Ngày 16-6-2015, ông L và bà H lập hợp đồng chuyển nhượng cho H và bà A thửa đất số 206, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.000m² được cấp CNQSDĐ ngày 28-3-2013 thì diện tích đất ông L đã

chuyển nhượng bằng “Giấy mua bán đất” ngày 14-01-2008 cho anh L1 nằm một phần trong thửa đất số 206, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.000m².

2.2.2. Ngày 15-10-2018, Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa đã ban hành quyết định buộc ông L và anh L1 thực hiện về hình thức của hợp đồng đối với diện tích đất 262m², đồng thời ấn định thời gian thực hiện, nhưng các bên không thực hiện. Như vậy, theo quy định tại các Điều 134, Điều 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hợp đồng chuyển nhượng ngày 14-01-2008 giữa ông L và anh L1 đã vô hiệu và lỗi thuộc về cả hai bên. Kết quả định giá của cơ quan chuyên môn kết luận diện tích đất ông L chuyển nhượng cho anh L1 ngày 14-01-2008 có giá trị là 114.415.454 đồng.

2.2.3. Như vậy, bản án sơ thẩm buộc ông L và bà H trả anh L1 và chị H1 số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nhận là 10.000.000 đồng và bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại thời điểm xét xử sau khi trừ đi số tiền đã nhận chuyển nhượng là có căn cứ và đúng pháp luật.

2.3. Từ những, phân tích, nhận định tại các mục 2.1 và 2.2 nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn L; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần tuyên lại phần quyết định của bản án cho phù hợp để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và việc thi hành bản án có hiệu lực pháp luật trên thực tế.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đặng Văn Lương phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 16-01-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

2. Căn cứ khoản 3 khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 122, 124, 125, 134, 137, 697, 699 và 702 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 106 và 127 của Luật Đất đai năm 2003; các điều 167 và 188 của Luật Đất đai năm 2013: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tống Đình H và bà Nguyễn Thị A đối với ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị H; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Trung L1 và chị Võ Thị H1 đối với ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị H.

2.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16-6-2015 giữa ông Đặng Văn L, bà Phạm Thị H và ông Tống Đình H, bà Nguyễn Thị A đối với thửa đất số 143, diện tích 500m² và thửa 206, tờ bản đồ số 04,

diện tích 1.000m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 750890 CNQSDĐ và số AD 870202, tọa lạc tại thôn T, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố G, tỉnh Đắk Nông và Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ thực hiện các thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất trên đối với ông Tống Đình H và bà Nguyễn Thị A theo quy định của pháp luật.

2.2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14-01-2008 giữa ông Đặng Văn L và anh Nguyễn Trung L1 vô hiệu.

2.2.1. Buộc ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị H trả cho anh Nguyễn Trung L1 và chị Võ Thị H1 số tiền 62.208.000đ (*Sáu mươi hai triệu hai trăm linh tám nghìn đồng*), trong đó 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 52.208.000đ (*Năm mươi hai triệu hai trăm linh tám nghìn đồng*) tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất bị thiệt hại. Kể từ ngày ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2.2. Anh Nguyễn Trung L1 và chị Võ Thị H1 phải tự di dời 16 trụ bê tông, 01 cọc sắt và trả lại 254,6m² đất đã nhận chuyển nhượng ngày 14-01-2008 của ông Đặng Văn L cho ông Tống Đình H và bà Nguyễn Thị A thuộc thửa đất số 206, tờ bản đồ số 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 870202, tọa lạc tại thôn T, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, có tứ cận: Phía Đông giáp thửa đất anh L1: 126,98m; phía Tây giáp đất ông Tăng Đăng Chín M: 127,19m; phía Nam giáp đường: 02,03m; phía Bắc giáp thửa đất số 206: 02,03m.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

3.1. Buộc ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị H phải chịu 3.410.000đ (*Ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003469 ngày 10-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

3.2. Trả lại ông Tống Đình H và bà Nguyễn Thị A 6.250.000đ (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001568 ngày 16-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

3.3. Buộc anh Nguyễn Trung L1 và chị Võ Thị H1 phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại

150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004025 ngày 16-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (Vụ II);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND Tp. Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS Tp. G;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương